

Số: *444*/QĐ-UBND

Kông Chro, ngày *25* tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Nhà làm việc các phòng ban huyện Kông Chro.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành đơn giá đền bù cây cối, hoa màu trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành giá nhà xây dựng mới, bảng giá vật kiến trúc xây dựng mới trên đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Gia Lai Về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Kông Chro năm 2015 (áp dụng trong giai đoạn 2015-2019);

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà làm việc các phòng ban huyện Kông Chro

Căn cứ Công văn số 386/HĐND-VP ngày 27/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án cần thu hồi đất để thực hiện các công trình trên địa bàn tỉnh năm 2017;

Căn cứ Công văn số 3826/UBND-NL ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện danh mục các dự án cần thu hồi đất thực hiện các công trình trên địa bàn tỉnh năm 2017.

Căn cứ Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện Kông Chro V/v Phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình: Nhà làm việc các phòng ban huyện Kông Chro;

Căn cứ Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND huyện Kông Chro về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Nhà làm việc các phòng ban huyện Kông Chro.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 227/TTr-PTNMT ngày 23/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Nhà làm việc các phòng ban huyện Kông Chro, với các nội dung sau:

1. Tên phương án: Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Nhà làm việc các phòng ban huyện Kông Chro, huyện Kông Chro.

2. Địa điểm thực hiện: Thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

3. Đơn vị thực hiện: Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện.

4. Quy mô thực hiện: Bồi thường hỗ trợ về đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trong phạm vi giải phóng mặt bằng của 01 hộ dân.

4.1. Về đất: Thu hồi 598,6 m² đất trồng cây hàng năm khác trong phạm vi khu dân cư thị trấn.

4.2. Về tài sản trên đất: (Có bảng chi tiết kèm theo)

5. Tổng kinh phí thực hiện Phương án (lấy tròn): 79.931.000 đồng

(Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu, chín trăm ba mươi một nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường về đất : 8.081.100 đồng;
- Chi phí bồi thường về vật kiến trúc, hoa màu trên đất : 50.080.024 đồng;
- Chi phí hỗ trợ : 20.202.750 đồng;
- Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ (2%) : 1.567.277 đồng.

6. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách tỉnh.

7. Thời gian thực hiện phương án: Năm 2017

(Có bảng chi tiết giá trị đền bù kèm theo)

Điều 2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Kông Chro niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND thị trấn Kông Chro và gửi đến các hộ dân biết để thực hiện.

Giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân theo quy định.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với các đơn vị liên quan lập thủ tục thu hồi đất của các hộ dân tại Điều 1 và điều chỉnh biến động về đất đai theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, Chủ

tịch UBND thị trấn Kông Chro, các hộ dân tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện (B/cáo);
- Đ/c Ân - PCT UBND huyện;
- Lưu VT-UB

KT. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Ngọc Ân

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG HỒ TRỒNG KHÍ NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN NHÀ LÂM NGHIỆP CÔNG NGHỆ BÀN HUYỆN KÔNG CHRO.
(Kèm theo Quyết định số: 44/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Kông Chro)



Số TT	Họ và tên, địa chỉ	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT						BỒI THƯỜNG VỀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT						CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ						Tổng cộng tiền (đồng)	Ghi chú	
		Loại đất	Vị trí	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất	Thành tiền (đồng)	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số áp dụng	Thành tiền (đồng)	Loại đất, hạng mục hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Chính sách hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			
01	02	03	04	05	06	07	08=5*6*7	09	10	11	12	13	14=11*12*13	15	16	17	18	19	20=17*18*19	21	22=8+14+20	23
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ							8.081.100												78.363.874		
		Đất trồng cây hàng năm trong phạm vi khu dân cư Thị trấn	1	598,6	13.500	1,0	8.081.100													Bảng 5, QĐ 37/2014/QĐ - UBND ngày 30/12/2014; QĐ 09/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	8.081.100	
								Chuồng bò, cột gỗ, vách ván, nền láng xi măng, mái lợp tôn kẽm	m ²	39,10	480.800	1,11	20.867.201							Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Gia Lai (giá trị còn lại của công trình 80%)	20.867.201	
								Ao đất đào thả cá	m ³	247,50	70.000	1,11	19.230.750							Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Gia Lai	19.230.750	
								Hàng rào Trụ BTCT, lưới B40 (chỉ tính hỗ trợ tháo dỡ)	m ²	61,20	16.500	1,11	1.120.878							Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Gia Lai	1.120.878	
								Cửa cổng khung sắt hộp ốp lưới B40 (chỉ tính công tháo dỡ)	m ²	2,89	16.500	1,11	52.930							Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Gia Lai	52.930	
								Hàng rào Trụ gỗ kẽm gia (chỉ tính hỗ trợ tháo dỡ)	m ²	19,00	16.500	1,11	347.985							Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Gia Lai	347.985	
								Cây điều đang thu hoạch tốt	cây	1,0	408.000	1,0	408.000							Mục 8, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	408.000	
								Buội chuối đã có từ 8 cây trở lên	bụi	10,0	100.000	1,0	1.000.000							Mục 32, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	1.000.000	
								Buội chuối mới trồng	bụi	3,0	18.000	1,0	54.000							Mục 32, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	54.000	
								Cây ổi kinh doanh năm 7 (giống thực sinh)	Cây	3,0	312.000	1,0	936.000							Mục 29, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	936.000	
1	Nguyễn Văn Lâm Tổ 3, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro																					

Nguyễn Văn Lâm
Tổ 3, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro

Số TT	Họ và tên, địa chỉ	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT					BỒI THƯỜNG VỀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT					CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ					Căn cứ pháp lý	Tổng cộng tiền (đồng)	Ghi chú
		Loại đất	Vị trí	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất	Thành tiền (đồng)	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Loại đất, hạng mục hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
01	02	03	04	05	06	07	08=5*6*7	09	Cây	1,0	170.000	170.000	Loại đất, hạng mục hỗ trợ	15	16	17	18	19	20=17*18*19
								Cây Xoài kiến thiết cơ bản năm 4 (giống thực sinh)	Cây	1,0	35.000	35.000						Mục 24, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	22=8+14+20
								Cây Dừa trồng mới 1 năm	Cây	1,0	35.000	35.000						Mục 25, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	170.000
								Măng cầu ta trồng 3 năm	Cây	2,0	120.000	240.000						Mục 34, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	35.000
								Cây Bạch đàn tái sinh năm 5	cây	6,0	13.200	79.200						Mục 93, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	240.000
								Cò trồng chăn nuôi đang thu hoạch	ha	0,08	69.226.000	5.538.080						Mục 78, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	79.200
													Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m ²	598,6	13.500	20.202.750	Điều 14, QĐ 21/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh Gia Lai	5.538.080
Cộng				598,6			8.081.100					50.080.024					20.202.750		78.363.874
II Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (2%)																			1.567.277
Tổng cộng (I+II)																			79.931.152
Lấy tròn																			79.931.000

(Bảng chữ: Bảy mươi chín triệu, chín trăm ba mươi một nghìn đồng)